

MỤC LỤC

Lời mở đầu	3
------------	---

Chương I:

Những vấn đề cơ bản về phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty xây dựng	4
---------------------------------------------------------------------------------	---

1.1 <u>Sự cần thiết phải tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm</u>	4
-----------------------------------------------------------------------	---

1.1.1. <i>Khái niệm, bản chất giá thành sản phẩm</i>	4
------------------------------------------------------	---

1.1.2. <i>Yêu cầu quản lý giá thành sản phẩm</i>	4
--------------------------------------------------	---

1.1.3. <i>Nhiệm vụ của kế toán giá thành sản phẩm</i>	4
-------------------------------------------------------	---

1.2 <u>Phân loại giá thành sản phẩm</u>	5
-----------------------------------------	---

1.2.1 <i>Phân loại giá thành theo thời điểm và cơ sở số liệu tính giá thành</i>	5
---------------------------------------------------------------------------------	---

1.2.2 <i>Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi cấu thành</i>	5
---------------------------------------------------------------	---

1.3 <u>Đối tượng tính giá thành sản phẩm</u>	6
----------------------------------------------	---

1.4 <u>Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm</u>	6
------------------------------------------------------------------------------------	---

1.4.1 <i>Phương pháp tính giá thành giản đơn</i>	6
--------------------------------------------------	---

1.4.2 <i>Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng</i>	
-----------------------------------------------------------	--

7

1.4.3 <i>Phương pháp tính giá thành theo giá thành định mức</i>	7
-----------------------------------------------------------------	---

Chương II

Chế độ kế toán về phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp và thực tiễn vận dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp	9
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---

2.1 <u>Thực trạng kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp ở công ty</u>	9
-------------------------------------------------------------------------	---

2.1.1 <i>Đặc điểm sản phẩm, yêu cầu quản lý</i>	9
-------------------------------------------------	---

Đề án môn học Kế toán

2.1.2 Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty	10
2.1.3 Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	10
2.1.4 Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	11
2.1.4 Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	11
<u>Chương III</u>	
Một số đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty	
17	
3.1 Nhân xét, đánh giá chung về công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	17
3.1.1 Ưu điểm	17
3.1.2 Nhược điểm	18
3.2 Một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty	18
3.2.1 Về công tác tập hợp, luân chuyển chứng từ kế toán	18
3.2.2 Các TK kế toán sử dụng và sổ sách kế toán	19
+ TK 621- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	
+ TK 622- Chi phí nhân công trực tiếp	
+ TK 623- Chi phí sử dụng máy thi công	
+ Sổ chi tiết TK 623 và sổ chi tiết TK 627	
+ Phương pháp tính giá thành sản phẩm	
3.2.3 Về sử dụng phần mềm kế toán	20
3.2.4 Về công tác kế toán quản trị	20
Kết luận	21

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, trong bối cảnh nền kinh tế nước ta luôn vận động, phát triển không ngừng, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau diễn ra ngày càng khốc liệt. Để có thể tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp đã đưa ra nhiều giải pháp như cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm, nâng cao năng suất lao động... Với những doanh nghiệp sản xuất đặc thù, mà điển hình là các công ty xây dựng thì một trong những giải pháp hữu hiệu là hạ giá thành sản phẩm nhưng vẫn duy trì, thậm chí nâng cao chất lượng của sản phẩm. Để đạt mục tiêu này, yêu cầu đặt ra là phải quản lý chặt chẽ các chi phí, phải có phương pháp tính giá thành sản phẩm hợp lý, khoa học giúp doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Nhận thấy rõ tầm quan trọng của công tác này, em chọn đề tài “*Bàn về phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty xây dựng*”.

Trong phạm vi đề tài, em xin đề cập đến một số mặt của vấn đề. Tuy nhiên, do kiến thức về kinh tế, tài chính, kế toán chưa nhiều, và chưa có kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp nên đề tài không tránh khỏi hạn chế, sai sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo chân thành của thầy giáo hướng dẫn để đề tài có thể hoàn thiện hơn nữa.

Trân trọng!

CHƯƠNG I

Những vấn đề cơ bản về phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty xây dựng

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm

1.1.1. *Khái niệm, bản chất giá thành sản phẩm*

Giá thành sản xuất sản phẩm được xác định bao gồm những chi phí về lao động sống, lao động vật hóa và các chi phí khác được dùng để sản xuất hoàn thành một khối lượng sản phẩm, dịch vụ nhất định.

Giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu mang tính giới hạn và xác định, nó vừa mang tính chất khách quan vừa mang tính chất chủ quan. Trong hệ thống các chỉ tiêu quản lý của doanh nghiệp, giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản trong quá trình kinh doanh, cũng như tính đúng đắn của những giải pháp quản lý mà doanh nghiệp thực hiện để nhằm mục đích hạ thấp chi phí, tăng cao lợi nhuận.

1.1.2. *Yêu cầu quản lý giá thành sản phẩm*

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả lãi lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy được chủ doanh nghiệp rất quan tâm.

Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành sản phẩm. Việc tổ chức kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp, ở từng bộ phận, từng đối tượng, góp phần tăng cường quản lý tài sản, vật tư lao động, tiền vốn một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Mặt khác tạo điều kiện phấn đấu tiết kiệm chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm. Đó là một trong những điều kiện quan trọng tạo cho doanh nghiệp ưu thế cạnh tranh. Mặt khác, giá thành sản phẩm còn là cơ sở để định giá bán sản phẩm, là cơ sở để đánh giá hạch toán kinh tế nội bộ, phân tích chi phí, đồng thời là căn cứ để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với nội dung chủ yếu thuộc về kế toán quản trị, cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.

1.1.3. *Nhiệm vụ của kế toán giá thành sản phẩm*

Trước hết cần nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp, mối quan hệ với các bộ phận kế toán có liên quan, trong đó kế toán các yếu tố chi phí là tiền đề cho kế toán chi phí và tính giá thành.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, loại hình sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, khả năng hạch toán, yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để lựa chọn, xác định đúng đắn tương ứng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp lập hợp chi phí sản xuất phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể của doanh nghiệp để xác định đắn tương ứng tính giá thành cho phù hợp.

Tổ chức bộ máy kế toán một cách khoa học, hợp lý trên cơ sở phân công rõ ràng trách nhiệm của từng nhân viên, từng bộ phận có liên quan đặc biệt đến bộ phận kế toán các yếu tố chi phí.

Thực hiện tổ chức chứng từ, hạch toán ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán đảm bảo đáp ứng được yêu cầu thu nhận, xử lý, hệ thống hóa thông tin về chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định một cách nhanh chóng, phù hợp với quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

1.2. *Phân loại giá thành sản phẩm*

1.2.1. Phân loại giá thành theo thời điểm và cơ sở số liệu tính giá thành

Theo cách phân loại này, giá thành được chia thành 3 loại:

Giá thành sản phẩm kế hoạch: là giá thành sản phẩm được tính toán trên cơ sở chi phí kế hoạch và số lượng sản phẩm sản xuất kế hoạch. Giá thành kế hoạch bao giờ cũng được tính toán trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ. Giá thành sản phẩm kế hoạch là mục tiêu phấn đấu trong kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó cũng là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực tế kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.

Giá thành sản phẩm định mức: Giá thành sản phẩm định mức là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chi phí tính cho một đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xác định trên cơ sở các định mức kinh tế, kỹ thuật của từng doanh nghiệp trong từng thời kì. Giá thành sản phẩm định mức được xác định trước khi bắt đầu quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Giá thành sản phẩm thực tế: Giá thành sản phẩm thực tế là giá thành sản phẩm được tính toán và xác định trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế phát sinh và tập hợp được trong kì cũng như số lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất và tiêu thụ trong kì. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và được tính toán cho cả chỉ tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong việc tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức và công nghệ... để thực hiện quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp với Nhà nước cũng như các bên liên quan.

1.2.2. Phân loại giá thành căn cứ vào phạm vi cấu thành

Theo cách phân loại này, giá thành sản phẩm được phân biệt thành hai loại sau:

Giá thành sản xuất sản phẩm: Giá thành sản xuất của sản phẩm bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp và Chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm đã sản xuất hoàn thành. Giá thành sản xuất sản phẩm được sử dụng để hạch toán thành phẩm, giá vốn hàng xuất bán và mức lãi gộp trong kỳ của doanh nghiệp.

Giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ: Bao gồm giá thành sản xuất tính cho số sản phẩm tiêu thụ cộng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý của doanh nghiệp phát sinh trong kì tính cho số sản phẩm này. Như vậy, giá thành toàn bộ sản phẩm tiêu thụ chỉ tính và xác định cho số sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ, nó là căn cứ để tính toán xác định mức lợi nhuận thuần trước thuế của doanh nghiệp.

1.3. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, công việc do doanh nghiệp sản xuất hoàn thành cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Để xác định đối tượng tính giá thành hợp lý, doanh nghiệp cần phải căn cứ vào các nhân tố:

+ Đặc điểm tổ chức sản xuất sản phẩm và cơ cấu sản xuất;

+ Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm;

+ Khả năng và yêu cầu quản lý, yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản trị doanh nghiệp;

+ Trong doanh nghiệp xây lắp, tổ chức sản xuất sản phẩm đơn chiết theo từng công trình, hạng mục công trình với thiết kế khác nhau, đối tượng tính giá thành phụ thuộc vào thỏa thuận thanh toán khối lượng hoàn thành giữa doanh nghiệp xây lắp với bên giao thầu.

Nếu thỏa thuận thanh toán khối lượng khi có khối lượng hoặc giai đoạn xây lắp hoàn thành ghi vào phiếu tính giá thành thì đối tượng tính giá thành là khối lượng hoặc giai đoạn xây lắp đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý, xác định được dự toán riêng thuộc từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Nếu thỏa thuận thanh toán khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, thì đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Tuy nhiên đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là khối lượng (giai đoạn) xây lắp hoàn thành hay công trình, hạng mục công trình hoàn thành còn phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức sản xuất và yêu cầu quản trị chi phí, giá thành của doanh nghiệp.

1.4. Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.4.1. *Phương pháp tính giá thành giản đơn*

Phương pháp này được áp dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp vì nó cho phép cung cấp kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kì báo cáo, cách tính toán thực hiện đơn giản dễ dàng.

Phương pháp này thích hợp cho trường hợp đối tượng tính giá thành là khối lượng (hoặc giai đoạn) xây lắp thuộc từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Nội dung: Căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ theo từng công trình, hạng mục công trình và căn cứ vào kết quả đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang cuối kì trước và cuối kì này để tính giá thành các giai đoạn xây lắp hoàn thành theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \quad \text{CPSX dở dang} \quad \text{CPSX phát sinh} \quad \text{CPSX dở dang} \\ \text{Sản phẩm} = \text{đầu kì} \quad + \quad \text{trong kì} \quad - \quad \text{cuối kì} \end{array}$$

Trong đó: Giá thành sản phẩm là giá thành các giai đoạn xây lắp thuộc từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Đề án môn học Kế toán

Tài liệu liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp được thể hiện trên sổ tính giá thành.

1.4.2. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng

Phương pháp này thích hợp với đối tượng tính giá thành là những công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Nội dung: Mỗi đơn đặt hàng ngay từ khi bắt đầu thi công được mở một phiếu tính giá thành (bảng tính giá thành theo Đơn đặt hàng). Chi phí sản xuất được phát sinh tập hợp cho từng đơn đặt hàng bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp. Cuối hàng kỳ căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được cho từng đơn đặt hàng theo từng khoản mục chi phí vào bảng tính giá thành của đơn đặt hàng tương ứng. Khi có chứng từ chứng minh đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành đơn đặt hàng (công trình, hạng mục công trình) hoàn thành bằng cách cộng lũy kế chi phí từ kì bắt đầu thi công cho đến khi đơn đặt hàng hoàn thành ngay trên bảng tính giá thành của đơn đặt hàng đó. Với các đơn đặt hàng chưa hoàn thành, chi phí lũy kế từ kỳ bắt đầu thi công đến thời điểm xác định chính là giá trị sản phẩm xây lắp dở dang. Bởi vậy bảng tính giá thành của đơn đặt hàng chưa xong được coi là báo cáo các chi phí sản xuất xây lắp dở dang.

Trường hợp đơn đặt hàng gồm một số hạng mục công trình thì sau khi tính giá thành cho đơn đặt hàng hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành cho từng hạng mục công trình bằng cách căn cứ vào giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành và giá thành dự toán của các hạng mục công trình đó, công thức tính như sau:

Zdh

$$Zi = \frac{Zidt}{Zdt}$$

Trong đó:

Zi: Giá thành sản xuất thực tế của hạng mục công trình thứ i.

Zdh: Giá thành sản xuất thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành.

Zdt: Giá thành dự toán của các hạng mục công trình thuộc đơn đặt hàng hoàn thành.

Zidt: Giá dự toán của hạng mục công trình thứ i.

1.4.3. Phương pháp tính giá thành theo giá thành định mức

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức. Nội dung chủ yếu của phương pháp này như sau:

Trước hết phải căn cứ vào định mức kinh tế, kỹ thuật hiện hành và chi phí được duyệt để tính giá thành định mức của sản phẩm.

Đề án môn học Kế toán

Tổ chức hạch toán riêng biệt số chi phí sản xuất xây lắp thực tế phù hợp với định mức và số chi phí sản xuất xây lắp chênh lệch thoát ly định mức, thường xuyên thực hiện phân tích những chênh lệch này để kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm xây lắp.

Khi có thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật cần kịp thời tính toán lại giá thành định mức và xác định số chênh lệch chi phí sản phẩm xây lắp do thay đổi định mức của số sản phẩm đang sản xuất dở dang cuối kì trước (nếu có).

Trên cơ sở giá thành định mức, số chi phí sản xuất xây lắp chênh lệch thoát ly định mức đã được tập hợp riêng và số chênh lệch do thay đổi định mức để tính giá thành thực tế sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kì theo công thức:

$$Z_{tt} = Z_{dm} \pm \text{Chênh lệch do thay đổi định mức} \pm \text{Chênh lệch thoát ly định mức}$$

Trong đó:

Z_{tt}: Giá thành thực tế của sản phẩm xây lắp.

Z_{dm}: Giá thành định mức của sản phẩm xây lắp.

CHƯƠNG II

Chế độ kế toán về phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp và thực tiễn vận dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.1. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở Công ty

2.1.1. Đặc điểm sản phẩm, yêu cầu quản lý:

Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản là ngành sản xuất độc lập, có những đặc thù riêng về mặt sản xuất do vậy phải có tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với đặc thù riêng của ngành, cũng như tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty.

Lực lượng lao động của công ty được tổ chức thành các đội công trình, mỗi đội lại có thể phân thành các tổ sản xuất theo yêu cầu thi công thực tế. Tùy thuộc vào nhu cầu thi công trong từng thời kì mà công ty có những phương án thích hợp để tổ chức lại các đơn vị trực thuộc, các tổ chức sản xuất trong đội cũng sẽ được thay đổi cho phù hợp với yêu cầu sản xuất và đúng theo quy định của pháp luật nhằm mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, các công ty xây dựng không ngừng mở rộng quy mô sản xuất. Sau khi ký kết được các hợp đồng xây dựng, Công ty giao khoán cho các đội thi công, đây là một hình thức khoán gọn tới từng đội xây dựng nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với Cán bộ quản lý trực tiếp tại công trình, đồng thời tạo điều kiện cho các đội chủ động được trong quá trình thi công. Công ty sẽ hỗ trợ vốn đầu tư và giám sát kiểm tra để có thể theo dõi được chính xác đầy đủ các chi phí bỗng ra cho từng Cán bộ quản lý công trình, phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về kết quả sản xuất, chất lượng công trình cũng như việc điều hành quản lý toàn bộ tài sản cố định của Công ty, chịu trách nhiệm việc điều động sử dụng máy cho các đội công trình, sửa chữa nhỏ các máy móc thi công của toàn Công ty. Để đảm bảo cho việc quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty đã phân cấp quản lý một cách rõ ràng. Chỉ có Công ty mới có tư cách pháp nhân đầy đủ trong các giao dịch, ký kết hợp đồng với khách hàng, với các tổ chức, các cơ quan quản lý nhà nước và trực tiếp thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện các quan hệ thanh toán, quan hệ về hợp đồng tài chính.

Các xí nghiệp, các đội xây dựng không có tư cách pháp nhân đầy đủ trong quan hệ ký kết, giao dịch với khách hàng. Các xí nghiệp được công ty cấp vốn để sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ Công ty giao, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về kết quả sản xuất kinh doanh, về hiệu quả sử dụng vốn, trích nộp các khoản theo quy định. Các xí nghiệp, các đội xây dựng này

được Công ty trang bị các tài sản cố định dùng cho sản xuất kinh doanh, đơn vị có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và phát huy tính năng sử dụng của tài sản cố định đạt hiệu quả cao, phải có trách nhiệm nộp đủ khấu hao tài sản cố định và chi phí sử dụng tài sản cố định về công ty. Các xí nghiệp, đội xây dựng chịu sự điều động vốn và tài sản của Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, việc thanh toán nội bộ giữa các Xí nghiệp đều do công ty thanh toán bù trừ cho các đơn vị. Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình đơn vị phải nộp ngay về công ty và làm thủ tục thanh toán.

2.1.2. Đặc điểm chi phí sản xuất tại công ty

Công ty xây dựng có đặc điểm chi phí sản xuất như sau:

Chi phí sản xuất gồm có:

- ♦ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Là chi phí của các vật liệu chính, vật liệu phụ, giá trị thiết bị kèm theo vật kiến trúc... cần thiết để tham gia cấu thành thực thể sản phẩm xây lắp.
- ♦ Chi phí nhân công trực tiếp: Là các chi phí tiền lương chính, lương phụ, phụ cấp lương của công nhân trực tiếp tham gia xây lắp công trình. Không bao gồm các khoản trích theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của công nhân trực tiếp xây lắp.
- ♦ Chi phí sử dụng máy thi công: Là chi phí cho các máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây, lắp bằng máy.
- ♦ Chi phí sản xuất chung: Là các chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: Lương của nhân viên quản lý đội xây dựng, các khoản trích theo tiền lương theo tỷ lệ quy định của nhân viên quản lý đội và công nhân trực tiếp tham gia xây lắp, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động của đội...

2.1.3. Đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

2.1.3.1. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại công ty xây dựng:

Trong sản xuất kinh doanh xây lắp, để hạch toán chi phí sản xuất chính xác, kịp thời đòi hỏi công việc đầu tiên mà các nhà quản lý cần phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất. Vấn đề này có tầm quan trọng đặc biệt cả trong lý luận cũng như thực tiễn và là nội dung cơ bản của tổ chức hạch toán và tập hợp chi phí sản xuất. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh xây lắp chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí.

Tại công ty xây dựng, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình. Mỗi đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành bàn giao đều được mở sổ chi tiết để tập hợp chi phí sản xuất. Các sổ chi tiết này được tổng hợp theo

Đề án môn học Kế toán

từng tháng và được theo dõi chi tiết theo từng khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sử dụng máy thi công, Chi phí sản xuất chung.

Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất ở Công ty xây dựng là phương pháp tập hợp trực tiếp các chi phí phát sinh sử dụng cho công trình, hạng mục công trình của từng hợp đồng cụ thể và phương pháp phân bổ chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng.

2.1.3.2. Đối tượng kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty xây dựng:

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm, công việc do doanh nghiệp sản xuất hoàn thành cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

Tại công ty xây dựng, đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành bàn giao...

2.1.4 Kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

2.1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Tài khoản sử dụng: TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu là loại nguyên vật liệu trực tiếp nên được hạch toán trực tiếp vào từng đối tượng sử dụng (công trình, hạng mục công trình) theo giá trị thực tế của vật liệu đó gồm giá mua ghi trong hóa đơn công với chi phí thu mua. Giá nguyên vật liệu xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Các công ty xây dựng thường áp dụng phương thức khoán gọn khoản mục chi phí đến chân công trình. Do đó, với vật tư xuất kho, công ty xây dựng giao khoán gọn cho các đội chịu trách nhiệm phụ trách công trình.

Công ty sẽ giao nhiệm vụ cho các đội công trình thực hiện thi công thông qua “ Hợp đồng giao khoán” ký kết giữa Ban lãnh đạo công ty và Cán bộ quản lý công trình.

Sau khi hợp đồng nhận thầu công trình được ký kết, dựa vào các tài liệu dự toán công trình, các định mức kinh tế kỹ thuật mà công ty xác định nhu cầu vật liệu cần thiết.

Hàng tháng (vào cuối tháng) kế toán thu nhận chứng từ bao gồm hóa đơn giá trị gia tăng, các phiếu nhập kho, xuất kho, thẻ kho, sổ chi tiết vật liệu nhập liệu vào phần mềm.

2.1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp:

Hiện nay tại đa số các Công ty xây dựng, công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân hợp đồng dài hạn là thuộc biên chế Công ty. Còn số lao động phổ thông hầu hết là ký hợp đồng tại chỗ và tùy theo tình hình thi công mà Công ty sẽ ký hợp đồng ngắn hạn với số lao động thuê ngoài (thường là dưới 03 tháng). Số lao động này khi đã hết thời hạn ký hợp đồng nếu công việc còn cần thì Công ty lại ký hợp đồng tiếp. Số nhân công này được tổ chức thành các tổ sản xuất phục vụ cho từng yêu cầu thi công cụ thể như : tổ nề, tổ điện nước...

Đề án môn học Kế toán

Hình thức trả lương cho lao động trực tiếp mà Công ty áp dụng là giao khoán từng khối lượng công việc hoàn thành và khoán gọn công việc. Lao động trong công ty bao gồm:

- + Lao động trong biên chế của Công ty.
- + Lao động thuê ngoài.

Sau khi lập hợp đồng thuê nhân công sẽ làm hợp đồng giao khoán khối lượng công việc. Cuối tháng khi khối lượng công việc hoàn thành, đội trưởng, chủ nhiệm công trình cùng tổ trưởng nghiệm thu qua biên bản nghiệm thu công trình và phiếu xác nhận sản phẩm hoặc khối lượng công việc hoàn thành.

Kế toán căn cứ vào hợp đồng giao khoán, khối lượng thực tế công tác xây lắp hoàn thành bàn giao, phiếu xác nhận sản phẩm (công việc) hoàn thành thỏa thuận để nhập vào bảng lương cho tổ lao động này. Đồng thời kế toán căn cứ vào bảng chấm công để tiến hành chia lương cho từng thành viên trong tổ.

Tổng quỹ lương của công trình

$$\text{Lương khoán} = \text{Tổng số công} \times \text{Số công của từng người}$$

Tổng số công hoàn thành

Cuối tháng kế toán in các sổ kế toán cần thiết kèm theo các chứng từ gốc bao gồm: Bảng chấm công, Bảng lương của các tổ đội để phê duyệt và phát lương cho từng công trình, từng tổ đội thi công.

2.1.4.3. Kế toán tập hợp chi phí sử dụng máy thi công:

Chi phí sử dụng máy thi công là một chi phí đặc thù trong lĩnh vực sản xuất xây lắp, chi phí này bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến việc sử dụng máy thi công nhằm hoàn thành khối lượng công tác xây lắp như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí khấu hao...

Tài khoản sử dụng : TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi công. Tài khoản này sử dụng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy phục vụ trực tiếp cho việc thi công công trình.

Các công ty xây dựng hiện nay thường thực hiện xây lắp công trình theo phương thức hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp máy. Sau khi kết thúc hợp đồng giao khoán với các đội công trình, việc giao khoán gọn khoản mục chi phí máy thi công cũng được xác định. Trên cơ sở đó công ty đưa ra phương án tổ chức đội máy thi công.

Do yêu cầu công tác các công trình xây dựng là cầu, đường... nên một số máy chuyên dùng được sử dụng ở công ty là: máy ủi, máy lu, máy san nền, cần cẩu,... Việc quản lý và điều động xe, máy thi công cho từng công trình do văn phòng công ty đảm nhiệm hoặc văn phòng công ty ủy nhiệm cho cán bộ kỹ thuật công trường chủ động trang bị (mua hoặc thuê ngoài). Tùy điều kiện thích hợp công ty có kế hoạch mua hay thuê ngoài và kế toán tiến hành hạch toán cụ thể:

Trường hợp máy thi công thuê ngoài:

Đề án môn học Kế toán

Căn cứ vào nhu cầu thi công, công ty sẽ cử cán bộ đi ký “Hợp đồng thuê máy” với đơn vị cho thuê (bên A). Hàng tháng, công ty sẽ cử cán bộ kỹ thuật cùng chỉ huy trưởng công trường đến kiểm tra và nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và thanh toán cho bên A theo hợp đồng đã ký kết, đồng thời lập biên bản thanh toán cho khối lượng công việc hoàn thành đó.

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ trên, kế toán tính ra chi phí thuê máy phục vụ từng công trình trong tháng và lập phân bổ cho chi phí máy thuê ngoài. Phân bổ theo thực tế công việc thực hiện.

Trưởng hợp máy thuộc sở hữu của công ty:

Khi có nhu cầu công ty giao xe, máy cho các đội thi công. Phụ trách đội thi công có trách nhiệm sử dụng bảo quản và thực hiện mọi chi phí trong quá trình thi công.

Cuối tháng sau khi tổ công trường ký duyệt phiếu này chuyển đến bộ phận kế toán để làm căn cứ tính và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công và ghi sổ kế toán.

Chi phí máy thi công bao gồm: chi phí nhiên liệu, chi phí nhân công điều khiển máy, chi phí khấu hao máy....

Trình tự hạch toán:

- Chi phí vật liệu chạy máy thi công: Đây là toàn bộ vật liệu phục vụ cho việc vận hành máy, được định mức cho từng loại máy dựa trên thời gian sử dụng và đặc điểm kỹ thuật của máy. Khi có nhu cầu, các công trường tự mua nhiên liệu bằng tiền tạm ứng, sau đó theo nguyên tắc chi phí phát sinh tại công trình nào, xe, máy nào thì lập hợp riêng cho từng công trình đó, xe, máy đó.

Hằng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán nhập liệu vào phiếu xuất vật tư. Phần mềm tự động chuyển nhập vào bảng tổng hợp xuất vật tư, Bảng tổng hợp chi phí vật tư.

- Chi phí nhân công điều khiển máy: Kết thúc hợp đồng khoán, căn cứ vào hợp đồng khoán và Bảng chấm công theo dõi việc nhân công sử dụng máy, kế toán công trường tính lương phải trả công nhân điều khiển máy và lập Bảng thanh toán tiền lương.

Công ty sử dụng phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng và tỷ lệ khấu hao hàng tháng để tính và chi phí sử dụng máy thi công cho từng loại máy:

$$\text{Mức khấu hao} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} \times 12$$

Hàng tháng, căn cứ vào Sổ tài sản cố định, lệnh điều động xe, máy thi công, kế toán tài sản cố định tính khấu hao và trích chi phí sửa chữa lớn từng loại xe, máy sau đó phân bổ cho từng công trình.

Hàng tháng, căn cứ vào chứng từ liên quan đến máy thi công do kế toán công trường lập hợp chuyển lên phòng Tài chính kế toán công ty, kế toán nhập liệu vào phần mềm, sổ liệu tự động được nhập vào bảng tổng hợp chi phí thi công cho từng công trình đồng thời vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 623.

2.1.4.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung là chi phí dùng để quản lý phục vụ sản xuất trong phạm vi tổ đội sản xuất, công trường xây dựng.

Tài khoản sử dụng: TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này có 6 tài khoản cấp 2:

- + 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng
- + 6272 - Chi phí vật liệu
- + 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất
- + 6274 - Chi phí khấu hao Tài sản cố định
- + 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + 6278 - Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, phản ánh các chi phí của đội, công trường xây dựng, bao gồm: Lương nhân viên quản lý đội, khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỉ lệ quy định (22%) trên lương người lao động và công nhân của đội; chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ sản xuất dùng chung cho hoạt động của đội: chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác liên quan đến hoạt động của đội, công trường xây dựng...

Trình tự hạch toán:

Chi phí nhân viên quản lý:

Phản ánh các khoản tiền lương, phụ cấp lương, các khoản trích theo lương bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỉ lệ quy định trên lương phải trả cho công nhân ký hợp đồng dài hạn, nhân viên sử dụng máy thi công phục vụ quản lý, nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế của doanh nghiệp).

Hàng tháng cán bộ phụ trách công trình theo dõi thời gian lao động và xếp loại lao động cho từng nhân viên quản lý trên Bảng chấm công. Đối với nhân viên quản lý, công ty trực tiếp quản lý và áp dụng hình thức lương theo thời gian. Công ty sẽ căn cứ vào Bảng chấm công của cán bộ phụ trách công trình gửi lên, căn cứ vào chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước về tiền lương và phương pháp phân phối quỹ lương của công ty, kế toán công ty sẽ tính lương cho từng nhân viên.

Hàng tháng, căn cứ vào Bảng thanh toán, kế toán trích các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ 22% trên tổng lương của từng nhân viên. Số liệu tính được là căn cứ để kế toán công trường ghi vào bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, đồng thời làm căn cứ nhập liệu vào tài khoản chi phí sản xuất chung.

() Kế toán chi phí vật liệu, công cụ quản lý:*

Đề án môn học Kế toán

Hiện nay, một số công ty thực hiện phân bổ công cụ dụng cụ một lần vào chi phí sản xuất chung. Đối với những công cụ dụng cụ có giá trị lớn như cối pha, giàn giáo thường được công ty thuê ngoài nhằm tiết kiệm vốn lưu động, đồng thời tránh được chi phí luân chuyển từ công trình này sang công trình khác. Chứng từ hạch toán chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ các đội thi công là các phiếu xuất kho, Hóa đơn giá trị gia tăng... Cuối tháng kế toán công trường tập hợp chứng từ ghi về phòng tài chính kế toán.

Đối với chi phí dụng cụ sản xuất nhỏ và bảo hộ lao động của công nhân trong xí nghiệp kế toán nhập liệu theo định khoản:

Nợ TK 6273: Chi phí vật liệu, dụng cụ sản xuất

Có TK 152,153: Nguyên liệu, vật liệu, Công cụ, dụng cụ

Căn cứ vào phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ số liệu chuyển vào sổ chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Chi phí khấu hao tài sản cố định quản lý đội:

Hàng tháng, căn cứ vào sự tăng giảm tài sản cố định kế toán công ty tính ra mức khấu hao những tài sản cố định, các thiết bị ngoài số máy thi công mà đội thi công đã sử dụng trong tháng đã được tính vào chi phí máy thi công, sau đó viết báo cáo cho các đội biết.

Kế toán nhập liệu mức khấu hao tài sản cố định:

Nợ TK 6274: Chi phí sản xuất chung

Có TK 214: Hao mòn tài sản cố định

Ngoài ra đối với chi phí sửa chữa lớn công ty đều có trích trước hàng tháng, trước khi tiến hành sửa chữa hoàn thành thì phải có quyết toán.

Nợ TK 6274: Chi phí sản xuất chung

Có TK 335: Chi phí phải trả

Nợ TK 335: Chi phí phải trả

Có TK 2413: Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác:

Chi phí dịch vụ mua ngoài gồm những chi phí thuê ngoài, tiền điện, nước... phục vụ thi công.

Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh trong kỳ có những chi phí dùng cho cả nhiều công trình, hạng mục công trình không tập hợp trực tiếp cho từng công trình được, trên cơ sở tổng chi phí dịch vụ mua ngoài tập hợp được, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Cụ thể : chi phí tiền điện, điện thoại dùng cho quản lý phát sinh trong kỳ được tập hợp cho các công trình,

Đề án môn học Kế toán

hạng mục công trình đang thi công, cuối tháng, kế toán tiến hành phân bổ chi phí này cho từng công trình, hạng mục công trình theo tiêu thức phân bổ đã xác định là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Ngoài những chi phí kể trên, trong kỳ còn phát sinh các chi phí bằng tiền khác, những chi phí liên quan đến công trình nào thì tập hợp riêng cho công trình đó. Với những chi phí phát sinh chung không hạch toán riêng được thì tương tự như trên, kế toán tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong tháng, đến cuối tháng tiến hành phân bổ chi phí đó theo tiêu thức xác định.

Cuối tháng, kế toán công trường tập hợp các chứng từ liên quan đến chi phí sản xuất chung chuyển về phòng Tài chính kế toán của công ty, kế toán chi phí tiến hành nhập liệu dựa trên các chứng từ này, số liệu tự động nhập vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung (bảng này được mở theo quý) và sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản 627.

2.1.4.5 Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất:

Khi khối lượng công việc hoàn thành và được Chủ đầu tư xác nhận thì kế toán căn cứ vào toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến khối lượng hoàn thành để tính giá thành cho công trình, hạng mục công trình đó.

Để tập hợp chi phí sản xuất, kế toán sử dụng TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất được công ty tiến hành như sau:

Khi khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đã ký kết, kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến công trình, hạng mục công trình đó, kế toán nhập liệu:

Nợ TK 154 (Chi phí cho công trình, hạng mục công trình)

Có TK 621- Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp

Có TK 622- Chi phí Nhân công trực tiếp

Có TK 623- Chi phí Sử dụng máy thi công

Có TK 627- Chi phí Sản xuất chung

Khi bàn giao công trình kế toán nhập liệu:

Nợ TK 632- Giá vốn công trình

Có TK 154- Tổng chi phí phát sinh cho công trình, hạng mục công trình

Kế toán mở sổ chi tiết tài khoản 154 cho từng công trình, hạng mục công trình căn cứ vào sổ chi tiết của các khoản mục chi phí. Hiện tại, một số Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nên cuối kỳ toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình sản xuất sản phẩm được kết chuyển sang tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Cuối quý, từ Sổ chi tiết chi phí sản xuất và Bảng tổng hợp của từng loại chi phí sản xuất, kế toán tiến hành nhập liệu bút toán kết chuyển chi phí sản xuất của từng công trình vào tài khoản 154. Từ đó phần mềm tự động nhập vào Bảng tổng hợp chi phí sản xuất và vào sổ cái tài khoản 154, sổ chi tiết tài khoản 154.

CHƯƠNG III

Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán giá thành sản phẩm xây lắp tại Công ty xây dựng

3.1 Nhân xét, đánh giá chung về công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các công ty

3.1.1. Ưu điểm

Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Hiện nay trong công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đa phần các công ty xây dựng thực hiện nghiêm túc quy định của chế độ kế toán và hệ thống chứng từ sổ sách kế toán. Việc ghi sổ được kế toán tiến hành theo đúng trình tự quy định.

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành được xác định hợp lý, đúng đắn. Các chi phí sản xuất được tập hợp theo từng khoản mục, đối tượng tập hợp chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đánh giá sản phẩm dễ dàng và tính giá thành sản phẩm theo từng khoản mục chi

phí. Nhiều công ty xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm là công trình, hạng mục công trình đã tạo điều kiện cho kế toán nhập liệu chi phí sản xuất trong từng tháng, quý cho mỗi công trình, hạng mục công trình một cách rõ ràng, đơn giản, phục vụ tốt yêu cầu quản lý và phân tích hoạt động kinh doanh của xí nghiệp. Đồng thời đối tượng tập hợp chi phí sản xuất cũng chính là đối tượng tính giá thành sản phẩm nên tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán khi xác định giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thành được nhiều Công ty xác định tương đối linh hoạt, Công ty chủ yếu tính giá thành khi công trình đã hoàn thành bàn giao. Nhưng khi hết mỗi quý hoặc các khối lượng công trình xây lắp hoàn thành đến điểm dừng kỹ thuật, Công ty cũng tiến hành tính giá thành bởi vì có thể có một phần khối lượng công việc hoàn thành trong quý được bên chủ đầu tư chấp nhận thanh toán và do đó Công ty cần thiết phải xác định được phần giá vốn khối lượng công việc hoàn thành được thanh toán.

Với hình thức khoán gọn xuống từng xí nghiệp, đội xây dựng có kết hợp sự kiểm tra, giám sát tập trung trọng điểm đã gắn liền với trách nhiệm vật chất của đội thi công tạo điều kiện cho việc tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản phẩm.

Việc nhập kho nguyên vật liệu mua ngoài chỉ mang tính hình thức, khi tiến hành thi công công trình nguyên vật liệu phụ trực tiếp thi công công trình được tiến hành mua ngoài là chuyển thẳng đến chân công trình không qua nhập kho đã tiết kiệm được chi phí vận chuyển, bốc dỡ và bảo quản nguyên vật liệu vì đặc điểm của ngành xây dựng là các công trình ở rất xa nhau. Do đó nhiều công ty không tiến hành dự trữ nguyên vật liệu. Biện pháp này giúp tiết kiệm được khoản chi phí vận chuyển và cất giữ lớn, do vậy tiết kiệm được chi phí góp phần hạ giá thành sản phẩm.

Nhiều công ty không thực hiện trích trước tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất do công nhân sản xuất thường là thuê ngoài nên việc trích khoản chi phí này là không cần thiết. Điều này giúp tiết kiệm được một khoản chi phí đáng kể, đặc biệt tránh được tình trạng vốn bị ứ đọng khi quá trình thi công không được thông suốt, đây là nhân tố góp phần hạ giá thành sản phẩm công trình của nhiều công ty.

Những ưu điểm về quản lý và tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh của nhiều công ty xây dựng.

3.1.2. **Nhược điểm:**

Thứ nhất là việc tập hợp và luân chuyển chứng từ: Hàng tháng kế toán đội tập hợp, hạch toán, phân loại chứng từ và gửi về phòng kế toán. Phòng kế toán công ty kiểm tra lại về tính đúng đắn, trung thực hợp lệ của chứng từ rồi nhập liệu vào phần mềm kế toán. Tuy nhiên việc luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng kế toán sẽ chậm trễ vì có nhiều chứng từ kế toán phát

sinh trong tháng này nhưng phải đến tháng sau mới được kế toán đơn vị chuyển về phòng Tài chính kế toán của công ty. Từ đó gây ra sự chậm trễ, không kịp thời của chứng từ kế toán.

Theo quy định của một số công ty hiện nay, cuối tháng và chậm nhất là mùng 5 tháng tiếp theo các đội trưởng phải nộp chứng từ, chủ yếu là các chứng từ gốc (Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản thanh lý hợp đồng, Bảng chấm công....). Do đó công việc kế toán tập trung dồn vào cuối tháng, trong khi thời điểm giữa tháng công việc không nhiều, dẫn tới công việc kế toán không được dàn đều trong tháng. Khối lượng công việc tổng hợp, xử lý số liệu vào cuối tháng rất lớn làm cho việc lập báo cáo quản trị và báo cáo tài chính dễ gây ra sai sót, nhầm lẫn trong quá trình tổng hợp số liệu, ảnh hưởng đến công việc cung cấp thông tin, tập hợp số liệu, và theo dõi quản lý chi phí.

Mặt khác, việc các đội chỉ nộp hóa đơn giá trị gia tăng, các chứng từ gốc nên không có nhiều tác dụng hỗ trợ kế toán trong việc tổng hợp số liệu.

Thứ hai là đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ luân chuyển, tiêu thức phân bổ của một số công ty không thống nhất. Lúc phân bổ theo số lần sử dụng, lúc phân bổ theo giá trị sản lượng. Do đó việc xác định chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong kỳ thiếu chính xác.

Thứ ba, một số công ty không mở các tài khoản chi phí chi tiết theo từng nội dung (6271, 6273...), trong quá trình kế toán tập hợp chi phí máy thi công kế toán chỉ mở sổ cái tài khoản 623 mà không mở sổ cái các tài khoản 6234, 6237 cũng như các tài khoản chi tiết cho các đội. Như thế kế toán sẽ khó theo dõi theo từng khoản mục chi phí của từng công trình, dẫn tới việc theo dõi các khoản chi phí còn khó khăn, dễ gây nhầm lẫn giữa các chi phí.

3.2. Một số kiến nghị, giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tính giá thành sản phẩm xây lắp tại các công ty

3.2.1. Về công tác tập hợp, luân chuyển chứng từ kế toán

Việc luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng kế toán vẫn còn nhiều chậm trễ vì có nhiều chứng từ kế toán phát sinh trong tháng này nhưng phải đến tháng sau mới được kế toán đơn vị chuyển về phòng Tài chính kế toán của công ty. Chính sự chậm trễ này đã làm cho công tác kế toán không được hoàn thành đúng thời hạn và đồng bộ. Để giảm bớt khối lượng công việc kế toán cuối tháng, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho các đối tượng sử dụng, hạn chế những sai sót trong quá trình tập hợp, xử lý thông tin kế toán các Công ty xây dựng cần có biện pháp đôn đốc việc luân chuyển chứng từ, nên quy định yêu cầu các nhân viên thống kê ở các đội xây dựng định kỳ 7 đến 10 ngày phải gửi chứng từ đã tập hợp được về phòng kế toán để có thể tập hợp được chi phí.

3.2.2. Các TK kế toán sử dụng và Sổ sách kế toán:

TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Đề án môn học Kế toán

Do đặc thù của ngành xây lắp nên vật tư sử dụng cho thi công các công trình có nhiều chủng loại khác nhau, đóng vai trò quan trọng trong giá thành sản phẩm. Chi phí về vật tư chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi phí (70 đến 75%), vì vậy việc hạch toán đúng khoản mục chi phí này là cần thiết. Muốn vậy, công tác hạch toán ban đầu phải chi tiết và tỉ mỉ. Trên thực tế, nhiều công ty chỉ mở sổ chi tiết vật tư rất khó cho việc theo dõi các loại vật tư mà công ty sử dụng phục vụ cho thi công. Do đó để thuận lợi cho việc xác định giá thực tế vật tư xuất dùng và việc quản lý vật tư được chặt chẽ, các công ty xây dựng nên mở thêm các sổ danh điểm vật tư bằng cách cho mỗi loại vật tư một danh mục và một mã số riêng.

Nguyên vật liệu được mua và xuất dùng theo dự toán chi phí đã xây dựng, nhưng thường vào cuối kỳ sổ nguyên vật liệu không sử dụng hết còn lại tại công trình chiếm tỷ lệ không nhỏ, vì vậy kế toán đội thi công, kế toán công ty cần kiểm kê, xác định khối lượng, giá trị nguyên vật liệu tồn cuối kỳ, để quản lý chặt chẽ khoản chi phí quan trọng này, giúp cho việc tính toán chi phí, giá thành được chính xác.

Kế toán công ty cần yêu cầu nhân viên thống kê các đội lập bảng kê vật liệu thừa chưa sử dụng hết ở công trình để có căn cứ phản ánh chính xác hơn chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế phát sinh.

Để lập bảng kê này, nhân viên thống kê các đội cùng cán bộ kỹ thuật tiến hành kiểm kê xác định khối lượng vật liệu còn lại tại công trường để tiến hành tính toán ghi vào bảng kê. Bảng kê được lập theo từng công trình hoặc hạng mục công trình tại thời điểm hoàn thành. Công việc này cũng có thể thực hiện vào cuối tháng (nếu điều kiện cho phép).

Việc sử dụng bảng chấm công cần phản ánh chính xác về giờ lao động của công nhân, chính xác ở đây là nói đến chính xác về chất lượng giờ làm việc, vì vậy có những công nhân có mức năng suất khác nhau trong cùng một điều kiện thời gian nhưng lại hưởng một mức lương khác nhau. Do vậy, kế toán các công ty xây dựng cần thu thập thêm tài liệu từ bộ phận kỹ thuật xem tiến độ thi công trong ngày là thế nào, phần việc làm trong thời gian đó là bao nhiêu... như thế mới đảm bảo chi trả lương chính xác, đảm bảo lợi ích chung toàn công ty.

Việc một số công ty chưa phản ánh chi tiết chi phí nhân công trực tiếp thuộc biên chế và thuê ngoài trên sổ theo dõi khối lượng xây lắp khoán gọn và bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội cũng gây không ít khó khăn cho việc cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm.

Trong bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội nên tách riêng chi phí nhân công trực tiếp thuộc biên chế và nhân công thuê ngoài để thuận lợi cho dễ dàng theo dõi khoản mục chi phí này (TK 334.1: Nhân công thuộc biên chế; TK 334.2: Nhân công ngoài biên chế).

3.2.3 *Về sử dụng phần mềm kế toán*

Hiện nay, có khá nhiều phần mềm hỗ trợ tích cực cho công việc của kế toán như phần mềm kế toán MISA, phần mềm kế toán Fast Accounting 2006.f, phần mềm Acsoft, phần mềm Bravo, phần mềm Comac...

Để hỗ trợ cho công việc tính giá thành sản phẩm của công ty xây dựng, Ban lãnh đạo của công ty nên mua phần mềm kế toán Bravo hoặc phần mềm kế toán Comac để hỗ trợ cho kế toán vì các phần mềm này có phân hệ tính giá thành khá tốt.

3.2.4 *Về công tác kế toán quản trị*

Mỹ là nước có nền kinh tế thị trường phát triển trên thế giới. Hệ thống kế toán Mỹ có sự kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Kế toán quản trị chi phí được tổ chức chung một bộ phận với kế toán tài chính. Đây là mô hình rất hay mà nhiều công ty xây dựng nên áp dụng theo.

Nội dung cơ bản của mô hình này là cung cấp thông tin cho việc kiểm tra kiểm soát chi phí phục vụ cho lập các báo cáo tiền thuê phân xưởng, tổng hợp giờ lao động thực tế của từng bộ phận, bảng tổng hợp chi phí và giá thành sản phẩm, phân tích số liệu để lập kế hoạch ngắn hạn, dài hạn. Theo hệ thống kế toán Mỹ, chi phí cũng được phân loại theo nhiều tiêu thức để phục vụ cho quản lý và kiểm soát chi phí. Hệ thống này đặc biệt quan tâm đến việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí khối lượng và lợi nhuận, phân tích báo cáo bộ phận và áp dụng tính lãi biến phí theo quá trình tính toán chi phí, xây dựng định mức chi phí cũng như kế hoạch linh động phân tích chi phí và cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình ra quyết định của nhà quản lý.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế cạnh tranh cao như hiện nay, mỗi doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp về xây dựng nói riêng luôn phải đề ra các chính sách phù hợp, việc thu thập, cung cấp thông tin từ bên

Đề án môn học Kế toán

trong và bên ngoài doanh nghiệp càng phải kịp thời, chính xác hơn. Với yêu cầu đó, bộ phận kế toán và nhất là công tác tính giá thành sản phẩm đã được tổ chức phù hợp với những đòi hỏi mới của doanh nghiệp.

Trong hoàn cảnh như vậy, công tác tính giá thành sản phẩm đã được nhiều doanh nghiệp để mắt tới. Bộ phận kế toán tài chính đã phân loại, tập hợp ghi chép các chi phí cung cấp thông tin cho các nhà quản trị. Bộ phận kế toán quản trị sử dụng phương pháp chuyên môn để phân tích và đưa ra các thông tin đã được xử lý có ý nghĩa với nhà quản trị.

Vấn đề đặt ra trong đề tài khá rộng và phức tạp, trong phạm vi hiểu biết của mình, em chỉ xin đề cập đến một số khía cạnh nhỏ. Thông qua việc nghiên cứu, thực hiện đề tài đã giúp em hiểu thêm về hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, đặc biệt là trong các công ty xây dựng, lĩnh vực em đang công tác.

Em xin chân thành cảm ơn thầy **Trần Quý Long** đã đưa ra đề cương và có những hướng dẫn giúp em hoàn thành đề tài!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình Kế toán quản trị - Tác giả: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quang – Xuất bản năm 2014 – Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
2. Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – Tác giả: GS.TS Đặng Thị Loan – Xuất bản năm 2011– Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
3. Bài giảng Kinh tế vi mô – Tác giả: Nguyễn Văn Ngọc – Xuất bản năm 2012 – Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
4. Tạp chí Kinh tế & Phát triển – Đại học Kinh tế quốc dân.